TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2025/KDTM-ST
Ngày: 29-9-2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Giao, ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2025/TLST-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T. Địa chỉ trụ sở: Số A N, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Tố K – Chức vụ: Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số D L, xã K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ. Địa chỉ trụ sở: Số A - 01 đường T, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn V – Chức vụ: Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ. Địa chỉ: Số A - A T, phường T, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 21/8/2024 Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (nguyên đơn) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ (bị đơn) có ký kết hợp đồng dịch vụ số 2108/2024/HDDV-TA, theo đó nguyên đơn cung cấp dịch vụ là khẩu phần ăn cho

bị đơn vào ngày 01/9/2024 tại Nhà hàng T1, tại địa chỉ: số A N, xã K, tỉnh Đắk Lắk. Tổng giá trị hợp đồng là: 135.184.000 đồng. Đến ngày 11/9/2024 các bên thanh lý hợp đồng, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại cho nguyên đơn là 109.267.000 đồng.

Ngày 22/8/2024 nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng dịch vụ số 22.08/2024/HDDV-TA, theo đó nguyên đơn cung cấp cho bị đơn các dịch vụ để tổ chức chương trình hội nghị hội thảo từ ngày 31/8/2024 đến 01/9/2024 tại Nhà hàng T1. Tổng giá trị hợp đồng là 30.000.000 đồng. Đến ngày 10/9/2024 các bên thanh lý hợp đồng, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại cho nguyên đơn là 24.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 133.267.000 đồng. Tuy nhiên qua nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu giải quyết: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 133.267.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 10,8%/năm, tương ứng 0,9%/tháng, từ ngày 01/01/2025 đến ngày 29/9/2025.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 306 của Luật Thương mại 2005; Điều 357, 468, 513, 515, 518, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 133.267.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 10,8%/năm kể từ ngày 01/01/2025.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng dịch vụ nên HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"; bị đơn có trụ sở tại số A T, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

[2] Về trình tự thủ tục: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 21/8/2024 nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng dịch vụ số 2108/2024/HDDV-TA, theo đó nguyên đơn cung cấp dịch vụ là khẩu phần ăn cho bị đơn vào ngày 01/9/2024 tại Nhà hàng T1. Ngày 11/9/2024 các bên thanh lý hợp đồng, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại cho nguyên đơn là 109.267.000 đồng. Ngày 22/8/2024 nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng dịch vụ số 22.08/2024/HDDV-TA, theo đó nguyên đơn cung cấp cho bị đơn các dịch vụ để tổ chức chương trình hội nghị hội thảo từ ngày 31/8/2024 đến 01/9/2024 tại Nhà hàng T1. Ngày 10/9/2024 các bên thanh lý hợp đồng, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại cho nguyên đơn là 24.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 133.267.000 đồng. Tuy nhiên bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên nên nguyên đơn khởi kiện: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 133.267.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 10,8%/năm, tương ứng 0,9%/tháng, từ ngày 01/01/2025 đến ngày 29/9/2025.

HĐXX xét thấy:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền gốc.

Xét bị đơn không tham gia tố tụng và không có bản trình bày nên Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có lưu trong hồ sơ vụ án làm căn cứ giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện: Ngày 21/8/2024 nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng dịch vụ số 2108/2024/HDDV-TA, theo đó nguyên đơn cung cấp dịch vụ là khẩu phần ăn cho bị đơn vào ngày 01/9/2024 tại Nhà hàng T1; ngày 22/8/2024 nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng dịch vụ số 22.08/2024/HDDV-TA, theo đó nguyên đơn cung cấp cho bị đơn các dịch vụ để tổ chức chương trình hội nghị hội thảo từ ngày 31/8/2024 đến 01/9/2024 tại Nhà hàng T1, nội dung của các hợp đồng thể hiện công việc, giá trị hợp đồng cũng như phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên như trình bày của nguyên đơn, là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với

quy định của pháp luật về hợp đồng dịch vụ được quy định tại Điều 513 của Bộ luật Dân sự 2015.

Theo hồ sơ khởi kiện nguyên đơn xác định bị đơn còn nợ tổng số tiền dịch vụ chưa thanh toán là 133.267.000 đồng, phù hợp với chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Biên bản nghiệm thu và bàn giao ngày 01/9/2024, Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 11/9/2024 và Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 10/9/2024 giữa nguyên đơn và bị đơn, đều có xác nhận của bị đơn.

Như vậy có đủ căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền dịch vụ gốc chưa thanh toán là 133.267.000 đồng. Việc bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ chấp nhận và cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 133.267.000 đồng còn nợ là phù hợp.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Điều 306 Luật thương mại 2005 định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Vì vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi của số tiền chậm thanh toán. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 01/01/2025 là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Về mức lãi suất: Nguyên đơn đề nghị HĐXX tính lãi suất với mức lãi suất quá hạn là 10,8%/năm, tương ứng 0,9%/tháng, là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Cụ thể số tiền lãi suất được tính như sau: Số tiền 133.267.000 đồng x 10,8%/năm, tương ứng 0,9%/tháng x (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 29/9/2025) = 10.874.587 đồng.

Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 144.141.587 đồng; Trong đó số tiền nợ gốc là 133.267.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền là 10.874.587 đồng, là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, cụ thể số tiền:

144.141.587 đồng x 5% = 7.207.079 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại 2005;

Căn cứ Điều 357, 468, 513, 515, 518, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T tổng số tiền là: 144.141.587 đồng *(Một trăm bốn mươi bốn triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng)*; Trong đó số tiền nợ gốc là: 133.267.000 đồng *(Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)* và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 10.874.587 đồng *(Mười triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ phải chịu số tiền 7.207.079 đồng *(Bảy triệu hai trăm lẻ bảy nghìn không trăm bảy mươi chín đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T số tiền tạm ứng án phí 3.532.000 đồng *(Ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng)* đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án chi cục 1 – Đắk Lắk), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001546 ngày 26 tháng 5 năm 2025.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1–Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- P.THADS Khu vực 1- Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Hồ Sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My